

Former Political Prisoners of Communist VietNam Association
HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM
HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in VietNam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) LUU Ut
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: M Date of Birth 23.1.53 Place of birth CHO LON VIETNAM
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit CAPTAIN "AIR FORCE"
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: June 1975
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: LONG GIANG, HOA MON, KATUM, GIA TRUNG CAMPS.
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: MAY 25, 1984
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children LY HOAI CUC WIFE
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
LUU TAN PHAT SON, LUU VINH TUONG SON, LUU VINH HUNG SON,
LUU VINH THANH SON,
3. Address of family: 625, DIEN BIEU PHU, P11, Q10, HO CHI MINH CITY
(Địa chỉ gia đình)

D.- APPLICANT:

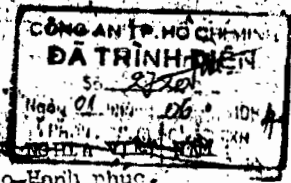
(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN HAU Occupation Chairman
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIETNAM
(Địa chỉ và điện thoại) P.O. BOX 635 WESTMINSTER, CA 92684
3. Relationship with detainee
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☒
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date May 25, 1989
(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684-0635

Hau Nguyen
Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)



HỒ LUY VU
CỤC QL VÀ CTEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-X-X-X-X-

TRẠI GIẢ TRUNG
Số: 1341

Tên Trung, Ngày 25 tháng 5 năm 1984

SUBID: 0 0 3 : 6 7 : 9 0 : 3 5 4 2

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TC ngày 22 tháng 8 năm 1977 của
Ủy ban Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của
chủ độ cũ và được phát hành hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11
năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 271 ngày 24 tháng 4 năm 1982
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

111V UT

Sinh năm: 1937

Sinh quán: Chơ lớn

Trú quán: 65 đường Biên Phủ, P.14, Q.10, TP. HCM

Số lính: 54/161.368 Cấp bậc: Đại úy

Chức vụ: Sĩ quan vào học

Trong thời gian chính quyền quân sự và các tổ chức chính
quyền phân động dân chủ độ cũ.

Lý do ra: Chơ tạo ra

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban phân
công an xã, phường, thuộc huyện, quận 10

thành phố Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định
của Ủy ban nhận dân thành phố và việc quản chế và nơi cư trú
và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chế 12 (Mười hai) tháng

- Thời gian đi đường 05 ngày (kể từ ngày cấp giấy
ra trại)

- Tiền và lương tiền đi đường đã cấp: 250.000

Lãnh nhận tay trả phát: Chữ ký của người

- Chữ: Lưu Kt - hoặc cấp giấy

- Danh bản số: 4276

- Lưu tại: DS-E12

ƯT
Lưu Kt



NGUYỄN DINH TUNG

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT

A. BASIC IDENTIFICATION DATA :

1. Name : LUU UT Sex : Male
2. Other names : None
3. Date and place of birth : May 3, 1934, Cholon, Vietnam
4. Residential Address : 652, DIEN BIEN PHU, P11, Q10, HO CHI MINH CITY.
5. Mailing Address :
In the USA : 1. Mr. and Mrs. VAN DINH GAO (Friend)

2. Mr. VAN DAI QUANG (Cousin-in-law)

In Vietnam : LUU UT
652, Dien Bien Phu, P11, Q10, Ho Chi Minh City.

6. Current occupation : Jobless.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	DOB	POB	Sex	M/S	Relation Ship
1. LY HOAI CUC	12.22.1949	Saigon	F	Married	Wife
2. LUU TAN PHAT	4.06.1975	Cholon	M	Single	Son
3. LUU VINH TUONG	4.30.1961	Cholon	M	Single	Son
4. LUU VINH HUNG	11.09.1962	Cholon	M	Single	Son
5. LUU VINH THANH	10.10.1964	Cholon	M	Single	Son

C. RELATIVE OUTSIDE VIETNAM :

- | <u>Of myself</u> | <u>Of my wife</u> |
|---|---|
| 1. Closest relative in the USA. | VAN DAI QUANG. He arrived in the United States on Aug. 28, 1979 from Sham Shui Po Camp, Hongkong. He is now living at
USA. Since my return from the reeducation centers, I didn't have any contact with him. |
| 2. Closest outside in the Foreign Countries : None. | |

D. COMPLETE FAMILY LISTING :

1. Father : Anon
2. Mother : LUU SINH (died 11.30.1984)
3. Former spouse : LAM MY LINH (died Aug. 7, 1969). My first marriage with Miss LAM MY LINH was on October 13, 1960. She gave birth to 5 sons : LUU VINH TUONG, 1961; LUU VINH HUNG, 1962; LUU VINH THANH, 1964; LUU VINH CUONG, 1966; LUU VINH PHU, 1968; On August 7, 1969, at 15 hours 40 (Saigon time), LAM MY LINH, my wife, my mother-in-law, my two younger sons, LUU VINH CUONG and LUU VINH PHU were killed on the spot by a bomb explosion at my own home, 27, DONG KHANH STREET, Cholon. Terrorists were not arrested.
4. Spouse : LY HOAI CUC (living) Address : 652, Dien Bien Phu, P11, Q10, Ho Chi Minh City
5. Children: LUU TAN PHAT (living) - same -
LUU VINH TUONG (living) Address : 233/33A, Nguyen Trai, P2, Q5, Ho Chi Minh City.
LUU VINH HUNG (living) - same -
LUU VINH THANH (living) - same -
6. Sibling : None.

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE :

None.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : LUU UT
2. Date : From Jan. 29, 1963 to Apr. 30, 1975
3. Last Rank : Captain Serial number : 54/161668
4. Unit : English Language School APO 3095
5. Name of CO : Lt-Colonel PHAM THONG TRANG
Lt-Colonel HUYNH VINH LAI
Lt-Colonel THIENG DINH PHI
6. Reason for separation : Fall of GVN.

7. Names of American Advisors : Academic Advisors from ILI (1970-1972)

Mr. NAVAREZ (1970-1971)

Mr. EAGLE (1971-1972).

8. US Training courses in Vietnam : None.

9. US Awards or Certificate :

1. HONORARY TEXAS CITIZEN, Awarded by Mr. PRESTON SMITH, Governor of Texas on July 13th, 1970.

2. English Language Instructor Diploma given by Col. HOMLEY, Commandant, Lackland English Language School, Apr. 22, 1970.

3. Diploma in Computer Programming, La Salle Extension University on March 26, 1970

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM :

1. Name of student : LUU UT ITO 0008970 QLO 90 (burnt)

2. School and School Address : Lackland English Language School, Lackland Air Force Base, Texas, USA.

3. Date : From Oct. 15, 1969 to Apr. 22, 1970.

4. Description of course : English Language Instructor Course.

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in reeducation : LUU UT

2. Total time in reeducation : Eight Years Eleven Months and two days.

Total time under Security Supervision : Eleven months.

3. Still in reeducation : No.

I. ADDITIONAL REMARKS :

From my return from the reeducation camps, I have sent a couple of questionnaires directly to ODP, Bangkok, without any reply. Hopeless and desperate, I don't know what I can do. Fortunately, this Lunar New Year, I met one of my co-irmates. He just asked me to remake for the last time ODP Questionnaire. Thanks to him, up to my consideration this is my full and most accurate ODP Questionnaire I have ever made.

I do ask you respectfully, Sir, to check it one more time, the future of my whole family, especially the future of my sons are on your hands. With my good collaboration with the US Government and my being commissioned 'Honorary Texas Citizen', my long terms in the reeducation camps, I do hope that I can fulfill on the American ODP requirement to get an American LOI.

By that reason, this time I got a full hope on you, Sir. Please turn in to a former allied counterpart.

We are waiting day and night your positive reply.

Respectfully and thankfully,

Signature

Date : February 15, 1989
Saigon

Luucet

J. ENCLOSURES :

1. Released certificate with photo.

2. Biographic record.

3. Honorary Texas Citizen.

4. English Language Instructor Diploma.

5. Diploma in Computer Programming.

6. Photos taken in front the Lincoln Memorial and my Teacher while staying in the US Feb. 1970.

7. My first marriage certificate with LINH.

8. My former wife's death certificate.

9. Death certificates of LUU VINH CUONG and LUU VINH PHU.

10. Birth certificates of LUU VINH TUONG, LUU VINH HUNG, LUU VINH THANH, (with photos)

11. Marriage certificate with LY HOAI CUC.

12. Birth certificate of CUC (with photo).

13. Birth certificate of LUU TAN PHAT (with photo).

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEE

To : THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
127 Panjabum Building (9th floor)
South Sathorn Road - Bangkok 10120 THAILAND

Subject : Request for Immigration to the United States of America
under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

1. I, the undersigned : LUU UT
2. Serial number : 54/161668
3. Date and place of birth : May 3, 1934 Cholon, Vietnam
4. Nationality : Chinese-Vietnamese
5. Religion : Buddhist
6. Sex : Male
7. Family status : Married
8. Home Address : 652, Dien Bien Phu, P.11, Q.10, Ho Chi Minh City
9. Military Education : THU DUC RESERVE OFFICER SCHOOL
10. Job title/Grade : English Instructor/Captain
(Code 613.8)
11. Armed Forces Branch of Service : Infantry
12. Unit : English Language School, Armed Forces.
13. Place worked : RVNAF JCS Hqs.
14. Civilian education : High School Graduate.
15. Civilian Occupation : Teacher of English
16. Travel/Education outside Vietnam :
English Language Instructor Course, III, English Language School, Lackland
Air Force Base, Texas, USA, from Oct. 15, 1969 to Apr. 22, 1970.
17. US closest relative : VAN DAI QUANG (wife's cousin)
18. US. acquaintances :
1. Mrs. Eagle
2. Mr. Navarez who laterly became also
My teachers during my stay in the United States and my Academic advisors while
working at home, (1970-1972).
19. a) After April 30, 1975 : Kept in reeducation camps : EIGHT YEARS ELEVEN MONTHS and
TWO DAYS.
Released on May 25, 1984.
b) Due to my 12 years of good service in the RVNAF, and my close relation with
the US. Government, I met great difficulties and much suffering during the
last 10 years, I do hope you can help me with my case.

Following is our full list :

Full name	Sex	YOB	M/S	Relation	Ship	Address
1. LUU UT	Male	1934	Married	Applicant		652, Dien Bien Phu P11, Q10, Ho Chi Minh City.
2. LY HOAI CUC	Female	1949	Married	Wife		- same -
3. LUU TAN PHAT	Male	1975	Single	Son		- same -
4. LUU VINH TUONG	Male	1961	Single	Son		233/33A, Nguyen Trai P2, Q5, Ho Chi Minh City.
5. LUU VINH HUNG	Male	1962	Single	Son		- same -
6. LUU VINH THANH	Male	1964	Single	Son		- same -

Respectfully and thankfully,

Date : February 15, 1989
Saigon,

Applicant,

Luu Ut



THE STATE OF TEXAS

And to all to whom these presents shall come, Greetings: Know ye, that

LUV UT

is hereby commissioned

HONORARY TEXAS CITIZEN

under the laws of the State of Texas with all rights, privileges, and emoluments appertaining to said office. In testimony whereof, I have signed my name and caused the Seal of State to be affixed at the City of Austin, this the 13th day of July, A.D. 1970.

Richard Smith
GOVERNOR OF TEXAS

Michael D. J.
RECEIVED

△ This Honorary Texas Citizen was commissioned by Governor of the State of Texas on July 13, 1970.



This photo was taken in front of the Lincoln Memorial Washington D.C. during my Orientation Tour for Schools Group 7-70. The date was on February 20, 1970.

English Language School



Defense Language Institute

As it knows that

CAPT LUV UT (VIETNAM)

has successfully completed the

ENGLISH LANGUAGE INSTITUTE COURSE

at this institution and by authority of the
Department of Defense

is awarded this

Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 22 day of April, 1970

John D. Brown
Director of Instruction

Commandant

↑ This English Instructor Diploma was given by L. Col. HONLEY, Commandant, English Language School, Defense Language Institute, on April 22, 1970.

LA SALLE EXTENSION UNIVERSITY

The Board of Directors have awarded to

Luv Ut

this DIPLOMA in

Computer Programming

in recognition of the satisfactory completion of the required course of study

In testimony whereof the seal of the University and

the signatures of its duly authorized officers

are herewith official

Given at Chicago, Illinois, on this 26th day of March, 1970



Charles B. Marshall
Educational Director

For the Board of Directors

☆ This Computer Programming Diploma was given by the Board of Directors, La Salle Extension University on March 26, 1970.



← This photo was taken while studying in the U.S. The lady was Mrs. Eagle, my instructor then and later my academic advisor while working at home.

BIOGRAPHICAL RECORD OF FORMER CAPTAIN LUU-UT Serial number : 54761668

TRAINING OUTSIDE VIETNAM : D.L.I. LACKLAND ENGLISH LANGUAGE SCHOOL, TEXAS, U.S.A.

AWARD FROM THE U.S.A. : HONORARY TEXAS CITIZEN, GIVEN BY GOVERNOR OF THE STATE OF TEXAS

TIME IN REEDUCATION CENTERS : EIGHT YEARS ELEVEN MONTHS AND TWO DAYS

TIME	RANK	JOB TITLE	UNIT	COMMANDER	ADVISORS
Jan. 29, 1963 - Nov. 27, 1963	Student Officer	Engaged to the 15th Reserve Officer Course	THU DUC RESERVE OFFICER : OFFICERS' SCHOOL	Colonel LAI SON	
Dec. 1963 - May 1965	Warrant Officer	English Instructor	Armed Forces English Language School, RVNAF, APO 3095	Maj. PHANTHONG TRANG	
May 1965 - May 1967	2nd Lieutenant	English Instructor	Armed Forces English Language School RVNAF, APO 3095	Lt-Colonel PHAN THONG TRANG	
May 1967 - Oct 1, 1969	Lieutenant	English Instructor	Armed Forces English Language School RVNAF, APO 3095	Lt-Colonel PHAN THONG TRANG	Sgt SMITH Training Aid
Oct 1, 1969 - Apr 22, 1970	Captain	Attended the 'English Language Instructor Course'	D.L.I. Lackland English Language School, Texas, USA	Maj. HUYNH VINH LAI Lt-Colonel HOMLEY, U.S. Air Force.	(RVNAF English Language Advisory Team)
May 22, 1970 - July 1, 1970	Captain	English Instructor : Code 613.8	PHAN THANH GIAN Annex Armed Forces English Language Sch. : RVNAF, APO 3095.	Lt-Colonel HUYNH VINH LAI	Mr. NAVAREZ (From DLI, 1970) (RVNAF English Language Advisory Team)
July 13, 1970		Commissioned the Honorary Texas Citizen. by Governor of the State of Texas.			
Sept 1, 1970 - Apr 30, 1975	Captain	English Instructor : Code 613.8	Armed Forces English Language School RVNAF, APO 3095	Sept 1, 1970 - Apr. 26, 1974 : Lt-Colonel HUYNH VINH LAI	Mrs. EAGLE (From DLI, 1971) (RVNAF English Language Advisory Team)
June 23, 1975 - May 25, 1984		Was in reeducation centers (Eight Years Eleven months and two days)			
May, 25, 1984 - Apr. 25, 1985		Was under Security Supervision (Eleven months)			
1985 - 1989		Jobless.			

Xã, Thị trấn
Thị xã, Quận 5
Thành phố, Tỉnh Saigon

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 433
Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và		LƯU VĂN PHÚT		Nam, Nữ	
Sinh n					
tháng,		06-4-1975			
Nơi sin		Saigon TFA Cao đẳng			
Khai về cha mẹ		CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)		Lưu Văn	Lý Phúc Cúc		
Dân tộc		/	/		
Quốc tịch		/	/		
Nghề nghiệp		/	/		
Nơi ĐKKK thường trú		/	/		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai		/			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 7 năm 1987

TM, UBND ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 09 tháng 04 năm 1987
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



HỘ-TỊCH

Số hiệu: 10155 B

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Miên Phí Quân Vụ

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)



Tên, họ đứa nhỏ	LƯU VINH THANH
Phái	Nam
Ngày sanh	ngày mười tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, hồi 10 giờ 20
Nơi sanh	334 đường Nguyễn Trãi
Tên, họ người Cha	LƯU UT
Tuổi	ba mươi
Nghề-nghiệp	Sĩ Quan
Nơi cư-ngụ	27 Lầu 2 Đại lộ Đồng Khánh
Tên, họ người Mẹ	LIAM MY LINH
Tuổi	hai mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	27 Lầu 2 Đại lộ Đồng Khánh
Vợ chính hay thứ	Vợ chính

Lập tại Saigon, ngày 14 tháng 10 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

SAIGON, ngày 23 tháng 5 năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NAM.



Chân

TRẦN CÔNG GIÀU

NĂM 1960
Số hiệu 563

SỞ GIA-ĐÌNH

HỌ-TỊCH
Quận Nam

HÔN-THÚ

Ngày 11/01/60
MỘT ĐĂNG LÀ: Lâm Văn
Sanh ngày 2 tháng 5 năm 1934
Tại làng Cholon (Nam Bình)
Tỉnh
Nghề-nghiep thợ kỹ
Cư sở tại Saigon 233 A Nguyễn Trãi
Tạm trú tại
Con trai của 16 ngày
và của Lâm Văn (sống)
Góa bụa hay là ly-dị của
VÀ MỘT ĐĂNG KHÁC LÀ: Lâm Mỹ Linh
Sanh ngày 18 tháng 2 năm 1943
Tại làng Phước Hòa
Tỉnh Phước Ninh (Thống Nhất)
Nghề-nghiep học sinh
Cư sở tại Saigon 115 Nguyễn Thành-Khách Nam
Tạm trú tại
Con gái của Lâm Kim Chung (chết)
và của Nguyễn Diệu Bình (sống)
Góa bụa hay là ly-dị của
Hôn-khế lập ngày
tại
Phát tại Saigon, ngày 13 tháng 1 năm 1960

Quản-Trưởng Quận Nam,
Viên-chức Hộ-Tịch,



Nguyễn Văn Hùng
Tham

CON CÁI

Họ Leu Vinh Khanh (nam)

Tên riêng _____

Sinh ngày 10/10/66

hồi 10 giờ 20

tại Quận 5 Saigon

Khai sinh số 90 13 v B

lập ngày 17/10/1966

Viên-chức Hộ-Tịch,

Từ ngày _____

hồi _____ giờ _____

tại _____

Khai tử số _____

Viên-chức Hộ-Tịch,

Con dấu và ký tên,

CAN-VIN-TICH

Họ Quin Vinh Cuong (nam)

Tên riêng _____

Sinh ngày 17-7-66

hồi 15 giờ 50

tại Quận 5 Nam

Khai sinh số 68 16 B

lập ngày 29-7-66

Viên-chức Hộ-Tịch,

Từ ngày 7-8-1969

hồi 15 giờ 45

tại Đoàn 87 Đại Lộ Trưng

Khai tử số 13 484

Viên-chức Hộ-Tịch,

Con dấu và ký tên,

Sinh ngày 1-7-68

hồi 7 giờ 15

tại Quận 5 Nam

Khai sinh số 68 95 B

lập ngày 6-7-68

Viên-chức Hộ-Tịch,

Con dấu và ký tên,

TRẦN CÔNG GIANG

CON CÁI

Họ Quin Vinh Phu (nam)

Tên riêng _____

Từ ngày 7-8-1969

hồi 15 giờ 45

tại Đoàn 87 Đại Lộ Trưng

Khai tử số 34 90

Viên-chức Hộ-Tịch,

Con dấu và ký tên,

Họ _____

Tên riêng _____

Sinh ngày _____

hồi _____ giờ _____

tại _____

Khai sinh số _____

lập ngày _____

Viên-chức Hộ-Tịch,

Con dấu và ký tên,

Con dấu và ký tên,

ĐỒ-THÀNH SAIGON

Bản số 14050-

*

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)



Tên, họ đứa nhỏ	Lý Hoài Cúc
Phái	féminin
Ngày sanh	le vingt deux Décembre mil neuf cent quarante neuf à 5h
Nơi sanh	160, rue de Giaphú
Tên, họ người Cha . . .	Lý Tú Thành qui déclare la reconnaitre
Nghề-nghiep	Journalier
Nơi cư-ngụ	50, quai de Mytho
Tên, họ người Mẹ. . .	Hàng xuân Hương
Nghề nghiệp.	Sans profession
Nơi cư-ngụ	50, quai de Mytho
Vợ chánh hay thứ. . .	/

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

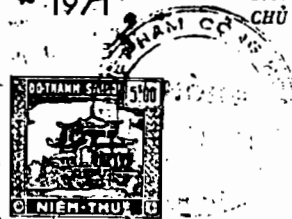
M.2

Saigon, ngày 11 tháng 5 năm 1971

T.U.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

1971



Luu

THỦ-THƯ VINH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN 1

ĐƯỜNG 1

Số hiệu 140

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 16 tháng 5 năm 1973

Số 6

Tên họ chồng	LIU QU (Goá bụa của ĐO LAM THY LANH)
Ngày và nơi sinh	3.5.1934 tại Cholôn
Tên họ cha chồng	(Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	LIU QU (Sống/Chết)
Tên họ vợ	LY HOAI CUC
Ngày và nơi sinh	22.1.1949 tại CHUICH
Tên họ cha vợ	LY TU THINH (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	NGUYEN KIEM HUNG (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	Tháng 1 năm 1973 tại UBND Quận 1
Có lập hôn ước không	



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

SAD YEN CHANH 54192/ST



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Viện chức hộ tịch

CHỦ TỊCH

HÒA-THẾ-NHÂN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận NhiSố hiệu: 1537-BB

*

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI TỬ

Năm một ngàn chín trăm ~~sau~~ mười chín (1969)

Tên, họ người chết	Lam my Linh (Nữ)
Nghề-nghiep	noir trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 27 Đông Khanh
Ngày sanh	Năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba,
Nơi sanh	HUE
Chưa vợ, có vợ hay là góa bạn (Kể tên họ người bạn)	Có chồng là : Lưu Ut
Người bạn làm nghề gì .	Quan nhơn
Nơi cư-ngụ	Saigon, 27 Đông Khanh
Tên, họ Cha	Lam kem Chung
Tên, họ Mẹ	Lương diêu Trinh
Ngày chết	Bay tháng tám, năm một ngàn chín trăm sau mười chín, 15 giờ 45
Nơi chết	Bệnh Viện, Saigon

Lập tại Saigon, ngày 3 tháng 8 năm 1969

TRÍCH-LỤC V. BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 8 tháng 6 năm 1970
KT. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN Nhi

ĐÔ THỊNH SAIGON

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TÒA HÀNH-CHÍNH QUÂN NĂM

HỘ TỊCH

TH.6

Số hiệu: 12424-B

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai

MIỀN PHẠ QUÂN VU



Tên, họ đứa nhỏ	LƯU VINH HUNG
Phái	Nam
Ngày sanh	chín tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, bởi 15015
Nơi sanh	334 Đường Nguyễn Trãi
Tên, họ người Cha	LƯU UT
Tuổi	hai mươi tám
Nghề-nghiệp	trú chươ
Nơi cư-ngụ	27 lầu 2 Đường Đồng Khánh
Tên, họ người Mẹ	LAM MY LINH
Tuổi	mười chín
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ	27 lầu 2 Đường Đồng Khánh
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 12 tháng 11 năm 1962

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH

Saigon, ngày 22 tháng 5 năm 1962

THÂN QUÂN-TRƯỞNG QUÂN NĂM,



Chân

THÂN CÔNG QUÂN

Số hiệu: 4553 B

KEM PHU QUAN VU

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm SAU MƯƠI MỘT



Tên, họ đứa nhỏ	LƯU VINH TƯƠNG
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày ba mươi tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi một, giờ 13g25
Nơi sanh	334, Đường Nguyễn Trãi
Tên, họ người Cha	LƯU UT
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp	Tư Chấn
Nơi cư-ngụ	233/33-A, Đường Nguyễn Trãi
Tên, họ người Mẹ	LIAM MI LINH
Tuổi	Mười tám
Nghề-nghiệp	Hội trợ
Nơi cư-ngụ	233/33-A, Đường Nguyễn Trãi
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 5 tháng 5 năm 1961 XX 1961

TRÍCH-LỤC-Y BỔN CHÁNH

Saigon, ngày 21 tháng 5 năm 1961 2

T.M.

QUẢN TRƯỞNG QUẬN NĂM,

Trần Công Giao

TRẦN CÔNG GIAO